

Hoàn thiện thể chế bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân trong bối cảnh chuyển đổi số và đổi mới quản trị công ở Việt Nam

Improving the institutional framework to ensure the people's right to mastery in the context of digital transformation and public governance reform in Vietnam

PGS,TS. TRẦN THANH GIANG

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh;

Email: giangttvnu@gmail.com

TS. KHUẤT THỊ THANH VÂN

Học viện Báo chí và Tuyên truyền;

Email: huyanh6899@gmail.com

Ngày nhận bài: 22/5/2026

Ngày phản biện: 07/7/2026

Ngày duyệt đăng: 20/7/2026

Chủ đề của bài viết thuộc lĩnh vực: Lý luận chính trị

Tóm tắt: Bài viết làm rõ yêu cầu hoàn thiện thể chế bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân ở Việt Nam trước tác động của chuyển đổi số và đổi mới quản trị công. Trên cơ sở phân tích sự thay đổi trong phương thức thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, chỉ rõ môi trường số không chỉ mở rộng không gian tham gia, giám sát, phản biện xã hội mà còn đặt ra những vấn đề mới về minh bạch thông tin, trách nhiệm giải trình, bảo vệ dữ liệu cá nhân và bao trùm số. Từ đó, đề xuất các giải pháp nhằm xây dựng hệ thống thể chế dân chủ, hiện đại, an toàn, hiệu quả và lấy người dân làm trung tâm.

Từ khóa: quyền làm chủ của nhân dân; hoàn thiện thể chế; chuyển đổi số; quản trị công; dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Abstract: This article examines the need to improve the institutional framework to ensure the people's right to mastery in Vietnam in response to digital transformation and public governance reform. By analyzing changes in the ways the people exercise their right to mastery, the study shows that the digital environment not only expands opportunities for participation, oversight, and social criticism but also raises new challenges relating to information transparency, accountability, personal data protection, and digital inclusion. Based on this analysis, the article proposes solutions for building a democratic, modern, secure, effective, and people-centered institutional system.

Keywords: people's right to mastery; institutional improvement; digital transformation; public governance; socialist democracy.

1. Đặt vấn đề

Trong tiến trình đổi mới, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, Đảng và Nhà nước ta luôn nhất quán khẳng định nhân dân là chủ thể của quyền lực nhà nước; dân chủ xã hội chủ nghĩa vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển đất nước. Tinh thần đó được hiến định trong Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: “Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân” và “Nhà nước bảo đảm và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân” (Quốc hội, 2013). Điều này cho thấy, quyền làm chủ của nhân dân không chỉ là một giá trị chính trị, mà còn là một nguyên tắc hiến định,

yêu cầu phải được cụ thể hóa bằng hệ thống thể chế, thiết chế, cơ chế và điều kiện thực thi phù hợp. Trong bối cảnh hiện nay, chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, xã hội số, dữ liệu số, trí tuệ nhân tạo và các nền tảng truyền thông số đang làm thay đổi sâu sắc phương thức tổ chức và thực thi quyền lực công, đồng thời mở rộng không gian, phương thức và điều kiện để nhân dân thực hiện quyền làm chủ. Người dân không chỉ tiếp cận thông tin, bày tỏ ý kiến, tham gia giám sát, phản biện bằng các phương thức truyền thống, mà ngày càng tương tác với cơ quan công quyền thông qua môi trường số, dữ liệu số và các nền tảng quản trị mới. Chính sự chuyển biến đó đặt ra yêu cầu đổi mới quản trị công theo hướng chuyển từ mô

hình quản lý hành chính năng tính mệnh lệnh sang mô hình quản trị phục vụ, minh bạch, trách nhiệm giải trình, dựa trên dữ liệu và lấy người dân làm trung tâm. Đại hội XIV của Đảng tiếp tục nhấn mạnh yêu cầu đổi mới tư duy, đẩy mạnh các đột phá chiến lược, kiến tạo hệ sinh thái phát triển mới và hoàn thiện toàn diện, đồng bộ thể chế phát triển nhanh, bền vững đất nước; trong đó “thể chế chính trị là then chốt, thể chế kinh tế là trọng tâm” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026). Vì vậy, hoàn thiện thể chế bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân trong bối cảnh chuyển đổi số và đổi mới quản trị công là nhiệm vụ có ý nghĩa chính trị sâu sắc, nhằm thiết kế, vận hành và kiểm soát các cơ chế để nhân dân thực hiện quyền làm chủ một cách thực chất, hiệu quả; qua đó nâng cao chất lượng quản trị quốc gia, củng cố niềm tin xã hội và hiện thực hóa khát vọng phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng các phương pháp cụ thể:

Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu: Được sử dụng chủ yếu để hệ thống hóa, đánh giá các văn bản quy phạm pháp luật, chính sách hiện hành của Việt Nam về quyền tiếp cận thông tin, dân chủ ở cơ sở, bảo vệ dữ liệu cá nhân và chuyển đổi số như Luật Tiếp cận thông tin năm 2016, Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022, Luật Dữ liệu năm 2024, Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân năm 2025, Nghị định số 356/2025/NĐ-CP và Quyết định số 749/QĐ-TTg... Từ đó, tổng hợp, đánh giá thực trạng và nhận diện các khoảng trống pháp lý cần hoàn thiện.

Phương pháp lịch sử - logic: Được sử dụng nhằm nhận diện sự vận động, biến đổi mang tính quy luật của phương thức thực hiện quyền làm chủ của nhân dân trong tiến trình đổi mới; chỉ ra sự dịch chuyển logic quan hệ giữa Nhà nước và người dân từ truyền đạt một chiều sang tương tác, đối thoại dựa trên dữ liệu trong điều kiện phát triển chính phủ số và xã hội số.

Phương pháp hệ thống - cấu trúc: Được vận dụng để xem xét thể chế bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân như một chỉnh thể toàn diện bao gồm hệ thống quy định pháp luật, thiết chế thực thi, công cụ công nghệ và cơ chế đo lường, đánh giá. Cách tiếp cận này là cơ sở để thiết lập các nhóm giải pháp đồng bộ, liên thông từ nhận thức, văn bản pháp lý đến hạ tầng kỹ thuật ở phần kết quả nghiên cứu.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Chuyển đổi số, đổi mới quản trị công và sự biến đổi phương thức thực hiện quyền làm chủ của nhân dân

Thực hiện và bảo đảm quyền làm chủ của Nhân dân là vấn đề thuộc về bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa, đồng thời là nguyên tắc nền tảng trong tổ chức và vận hành quyền lực nhà nước ở Việt Nam. Trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, Nhân dân không chỉ là đối tượng thụ hưởng chính sách, mà còn là chủ thể của quyền lực nhà nước, tham gia xây dựng, thực thi, giám sát và kiểm soát quyền lực công. Vì vậy, quyền làm chủ của Nhân dân phải được cụ thể hóa bằng hệ thống thể chế, thiết chế, quy trình và điều kiện thực thi phù hợp.

Trong điều kiện mới, vấn đề đặt ra không chỉ là tiếp tục ghi nhận các quyền dân chủ, mà còn phải nhận diện đúng sự biến đổi trong phương thức thực hiện các quyền đó. Quyết định số 749/QĐ-TTg xác định chuyển đổi số gắn với phát triển chính phủ số, kinh tế số và xã hội số (Thủ tướng Chính phủ, 2020); Nghị quyết số 76/NQ-CP đặt mục tiêu xây dựng nền hành chính dân chủ, chuyên nghiệp, hiện đại, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả (Chính phủ, 2021). Những định hướng này cho thấy chuyển đổi số và đổi mới quản trị công không phải là hai quá trình tách rời, mà cùng hướng tới đổi mới phương thức thực thi quyền lực, nâng cao chất lượng phục vụ và mở rộng điều kiện để người dân tham gia quản trị quốc gia.

Trong thực tiễn, sự biến đổi trước hết được thể hiện ở việc hình thành và mở rộng các nền tảng số phục vụ cung cấp thông tin, giải quyết thủ tục hành chính, tiếp nhận phản ánh, kiến nghị và đánh giá chất lượng phục vụ. Sau bốn năm vận hành, đến cuối năm 2023, Cổng Dịch vụ công quốc gia đã tích hợp, cung cấp 4.591 dịch vụ công trực tuyến trong tổng số 6.349 thủ tục hành chính; tiếp nhận 36,8 triệu hồ sơ trực tuyến và kết nối với 150 hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu; 60/63 địa phương và 17/20 bộ sử dụng chung hệ thống phản ánh, kiến nghị của Cổng (Ngô Hải Phan, 2023). Kết quả này cho thấy môi trường số không chỉ bổ sung thêm các kênh cung cấp dịch vụ công, mà còn từng bước làm thay đổi quan hệ giữa Nhà nước và Nhân dân: từ truyền đạt một chiều sang tăng cường tương tác hai chiều; từ tiếp nhận thông tin thụ động sang chủ

động tìm kiếm, phản ánh và tham gia; từ giám sát dựa chủ yếu vào những phản ánh riêng lẻ sang giám sát dựa trên thông tin, dữ liệu và tiến độ xử lý có thể theo dõi. Cùng với các phương thức dân chủ truyền thống, người dân có thêm điều kiện tiếp cận dự thảo văn bản, gửi ý kiến góp ý, phản ánh bất cập, theo dõi quá trình giải quyết hồ sơ và đánh giá hoạt động của cơ quan công quyền trên môi trường số.

Sự mở rộng các kênh tương tác số đồng thời làm thay đổi phương thức và tiêu chuẩn bảo đảm từng nội dung của quyền làm chủ. Quyền được biết không còn chỉ dừng ở việc cơ quan nhà nước công bố văn bản, mà đòi hỏi thông tin phải được cung cấp kịp thời, dễ tìm kiếm, dễ hiểu và có khả năng kiểm chứng. Quyền được bàn và tham gia ý kiến không chỉ được thực hiện trong các cuộc họp trực tiếp, mà từng bước được mở rộng trong các khâu của chu trình chính sách, từ nhận diện vấn đề, xây dựng phương án, đánh giá tác động đến tổ chức thực hiện và điều chỉnh chính sách. Quyền kiểm tra, giám sát ngày càng gắn với dữ liệu công khai, khả năng theo dõi tiến độ giải quyết công việc, phản hồi kết quả và trách nhiệm giải trình của cơ quan có thẩm quyền. Quyền thụ hưởng cũng không chỉ được đánh giá bằng kết quả chính sách nói chung, mà còn bằng mức độ thuận tiện, chất lượng dịch vụ công, khả năng tiếp cận bình đẳng và cảm nhận của người dân về tính công bằng, minh bạch trong quá trình tương tác với bộ máy công quyền. Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước năm 2024 đạt trung bình 83,94%, tăng 1,28 điểm phần trăm so với năm 2023; trong đó, mức độ hài lòng đối với việc xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách đạt 83,84% và đối với việc cung ứng dịch vụ hành chính công đạt 84,09% (Bộ Nội vụ, 2025). Dù chưa thể quy toàn bộ kết quả này cho chuyển đổi số, các số liệu trên phần nào phản ánh những chuyển biến tích cực trong cải cách hành chính và việc từng bước đưa sự đánh giá của người dân trở thành một căn cứ đo lường chất lượng hoạt động của cơ quan nhà nước.

Tuy nhiên, chuyển đổi số và đổi mới quản trị công không tự động làm cho quyền làm chủ của Nhân dân trở nên thực chất hơn. Theo đánh giá tại Thông báo số 408/TB-VPCP ngày 8/8/2025 của Văn phòng Chính phủ, hạ tầng số vẫn phát triển chưa đồng đều,

nhất là tại vùng sâu, vùng xa; nhiều hệ thống thông tin chưa được kết nối, chia sẻ hiệu quả; tiến độ xây dựng các cơ sở dữ liệu quốc gia còn chậm. Cải cách thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công trực tuyến cũng chưa đáp ứng yêu cầu đặt ra, khi tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình mới đạt 39,51%, trong khi mục tiêu là 80%; công tác truyền thông, hướng dẫn và hỗ trợ người dân còn hạn chế (Văn phòng Chính phủ, 2025). Những hạn chế này cho thấy việc mở rộng nền tảng kỹ thuật và số lượng dịch vụ trực tuyến chưa đi đôi với sự thuận tiện, tính liên thông, minh bạch và trách nhiệm giải trình; do đó, chưa thể tự thân bảo đảm để quyền làm chủ của Nhân dân được thực hiện đầy đủ và thực chất.

Khoảng cách giữa việc mở rộng các kênh tham gia với khả năng tiếp nhận và phản hồi thực chất vẫn còn khá rõ. Kết quả PAPI năm 2024 cho thấy, 57,22% người được hỏi cho biết chính quyền địa phương có đăng tải dự thảo chính sách, pháp luật trên cổng thông tin điện tử để lấy ý kiến Nhân dân, tăng so với mức 52,44% năm 2023. Tuy nhiên, chức năng tiếp nhận và phản hồi ý kiến, kiến nghị trên Cổng Dịch vụ công quốc gia chỉ thu hút chưa đến 1% người dùng trong năm 2024, cho thấy các nền tảng số hiện vẫn được sử dụng chủ yếu để tìm kiếm thông tin và thực hiện thủ tục hành chính hơn là để tham gia, phản ánh và đối thoại chính sách. Khả năng tiếp cận công nghệ cũng chưa đồng đều: mặc dù khoảng 84% người tham gia khảo sát có kết nối Internet tại nhà, tỷ lệ tiếp cận của đồng bào dân tộc thiểu số vẫn thấp hơn nhóm người Kinh khoảng 10-20 điểm phần trăm, còn chênh lệch giữa khu vực nông thôn và thành thị ở mức khoảng 9 điểm phần trăm. Điều đó cho thấy, nếu thiếu cơ chế phản hồi và các biện pháp hỗ trợ những nhóm còn hạn chế về điều kiện, kỹ năng số, việc mở rộng nền tảng kỹ thuật chưa chắc đã làm tăng ảnh hưởng thực tế của người dân đối với quá trình quản trị, đồng thời có thể tạo ra những hình thức bất bình đẳng mới trong thực hiện quyền làm chủ (CECODES, RTA và UNDP, 2024).

Có thể thấy, chuyển đổi số và đổi mới quản trị công đang làm biến đổi phương thức thực hiện quyền làm chủ của nhân dân theo hướng rộng hơn về không gian, đa dạng hơn về công cụ, thường xuyên hơn về tương tác và cao hơn về yêu cầu trách nhiệm giải

trình. Chính sự biến đổi này đặt ra yêu cầu phải hoàn thiện thể chế bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân theo hướng hiện đại, thực chất, có khả năng đo lường, kiểm chứng và thích ứng với những biến đổi nhanh chóng của quản trị công trong kỷ nguyên số.

3.2. Thảo luận về những yêu cầu đặt ra đối với hoàn thiện thể chế bảo đảm quyền làm chủ của Nhân dân trong bối cảnh mới

Thứ nhất, cần chuyển từ tư duy “ghi nhận quyền” sang tư duy “bảo đảm điều kiện thực hiện quyền”. Quyền làm chủ của nhân dân nếu chỉ được khẳng định trên văn bản pháp luật nhưng thiếu điều kiện thực thi, thiếu cơ chế phản hồi, thiếu công cụ giám sát và thiếu chủ thể chịu trách nhiệm thì khó trở thành năng lực thực tế của người dân trong đời sống quản trị. Vì vậy, mỗi quyền của nhân dân cần được gắn với nghĩa vụ cụ thể của cơ quan công quyền: quyền được biết gắn với trách nhiệm công khai, minh bạch và giải thích thông tin; quyền được bàn thảo gắn với cơ chế tham vấn thực chất; quyền giám sát gắn với cung cấp dữ liệu và trách nhiệm giải trình; quyền phản ánh, kiến nghị gắn với quy trình tiếp nhận, xử lý, phản hồi có thời hạn. Đây là yêu cầu nền tảng để dân chủ không chỉ là nguyên tắc chính trị, mà trở thành cơ chế vận hành thực chất của quyền lực nhà nước.

Thứ hai, cần bảo đảm sự liên thông giữa tiếp cận thông tin, tham gia chính sách, giám sát xã hội và trách nhiệm giải trình. Trong bối cảnh số, người dân chỉ có thể thực hiện quyền làm chủ có chất lượng khi được tiếp cận thông tin đầy đủ, kịp thời, dễ hiểu, dễ kiểm chứng và có khả năng sử dụng. Luật Tiếp cận thông tin (Quốc hội, 2016) và Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở (Quốc hội, 2022) đã tạo cơ sở pháp lý quan trọng cho việc bảo đảm quyền được biết, được bàn, được quyết định, được kiểm tra, giám sát và thụ hưởng của Nhân dân. Tuy nhiên, trong quản trị công hiện đại, công khai thông tin không thể chỉ dừng ở việc đăng tải văn bản hành chính, mà phải hướng tới minh bạch thực chất thông qua việc cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời, dễ tiếp cận, dễ hiểu, có khả năng tra cứu, kiểm chứng và sử dụng; qua đó tạo điều kiện để người dân, báo chí, nhà khoa học và các tổ chức xã hội theo dõi, phân tích, giám sát, phản biện hoạt động công quyền và quá trình thực thi chính sách.

Thứ ba, cần hoàn thiện thể chế dữ liệu gắn với bảo

vệ dữ liệu cá nhân, an toàn thông tin và bao trùm số. Trong môi trường số, dữ liệu vừa là nền tảng của quản trị công, vừa là không gian mới gắn với quyền con người, quyền công dân và quyền làm chủ của nhân dân. Khi người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, định danh điện tử, gửi phản ánh, kiến nghị hoặc góp ý chính sách trên nền tảng số, dữ liệu cá nhân và dữ liệu hành vi được tạo lập, thu thập, xử lý, lưu trữ và chia sẻ. Do đó, hoàn thiện thể chế bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân không thể tách rời yêu cầu bảo vệ dữ liệu cá nhân, quyền riêng tư và an toàn thông tin. Việc ban hành Luật Dữ liệu năm 2024 (Quốc hội, 2024), Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân năm 2025 (Quốc hội, 2025) và Nghị định số 356/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân (Chính phủ, 2025) đã tạo nền tảng pháp lý mới cho hoạt động quản trị, khai thác và bảo vệ dữ liệu trong môi trường số. Tuy nhiên, để bảo đảm quyền làm chủ của Nhân dân, cần tiếp tục cụ thể hóa trách nhiệm của cơ quan nhà nước trong thu thập, xử lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu; bảo đảm các quyền của chủ thể dữ liệu cá nhân, đồng thời thiết lập cơ chế kiểm soát, giám sát và xử lý trách nhiệm khi dữ liệu bị sử dụng sai mục đích hoặc không được bảo vệ an toàn.

Thứ tư, cần đổi mới truyền thông chính sách để bảo đảm quyền được biết, được tham gia và được phản biện của nhân dân. Trong quản trị công hiện đại, người dân không thể tham gia, giám sát, phản biện nếu thiếu thông tin chính xác, dễ hiểu, kịp thời và có đối thoại. Vì vậy, truyền thông chính sách không chỉ là tuyên truyền sau khi chính sách đã ban hành, mà cần tham gia từ sớm trong toàn bộ chu trình chính sách: từ nhận diện vấn đề, giải thích sự cần thiết của chính sách, tiếp nhận phản hồi xã hội đến giải trình việc tiếp thu ý kiến nhân dân. Quyết định số 407/QĐ-TTg (2022) và Chỉ thị số 7/CT-TTg (2023) đã đặt ra yêu cầu chủ động, kịp thời, hiệu quả hơn trong cung cấp thông tin và tạo đồng thuận xã hội. Đặt trong yêu cầu bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân, truyền thông chính sách cần được nhìn nhận như một phương thức mở rộng dân chủ, tạo lập không gian đối thoại công, kết nối Nhà nước với nhân dân và làm cho chính sách trở nên gần dân, dễ hiểu, dễ thực hiện hơn.

Thứ năm, cần xây dựng cơ chế đo lường, kiểm tra và đánh giá thực chất việc bảo đảm quyền làm chủ

của nhân dân. Một thể chế hiện đại không chỉ quy định quyền, mà còn phải trả lời được quyền đó được thực hiện đến đâu, bằng cách nào, ai chịu trách nhiệm và người dân có hài lòng hay không. Vì vậy, cần từng bước hình thành các tiêu chí đánh giá như: mức độ công khai, minh bạch thông tin; tỷ lệ phản ánh, kiến nghị được xử lý đúng hạn; mức độ tiếp thu, giải trình ý kiến nhân dân trong xây dựng chính sách; khả năng tiếp cận dịch vụ công trực tuyến của các nhóm dân cư; mức độ an toàn dữ liệu cá nhân; mức độ hài lòng và tin cậy của người dân đối với cơ quan công quyền. Chỉ khi quyền làm chủ được gắn với cơ chế đo lường, phản hồi và trách nhiệm giải trình, hoàn thiện thể chế mới vượt khỏi giới hạn của cải cách hình thức để trở thành động lực nâng cao chất lượng quản trị quốc gia.

3.3. Một số giải pháp chủ yếu hoàn thiện thể chế bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân trong bối cảnh chuyển đổi số và đổi mới quản trị công

Thứ nhất, tiếp tục hoàn thiện pháp luật và cơ chế thực thi quyền làm chủ của nhân dân theo hướng đồng bộ, liên thông và có khả năng vận hành thực chất. Cần rà soát các quy định về dân chủ ở cơ sở, tiếp cận thông tin, truyền thông chính sách, tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo, phản biện xã hội, cung cấp dịch vụ công trực tuyến và bảo vệ dữ liệu cá nhân để khắc phục tình trạng phân tán, chồng chéo hoặc thiếu cơ chế phối hợp. Trọng tâm không chỉ là bổ sung quyền, mà là thiết kế rõ quy trình, trách nhiệm, thời hạn và phương thức bảo đảm quyền. Mỗi kênh để người dân tham gia, phản ánh, kiến nghị, giám sát cần có cơ chế tiếp nhận, xử lý, phản hồi và giải trình cụ thể, qua đó tạo thành một chỉnh thể thống nhất để quyền làm chủ của nhân dân vận hành thông suốt từ cơ sở đến Trung ương, từ không gian trực tiếp đến không gian số.

Thứ hai, phát triển các nền tảng số phục vụ dân chủ, tham vấn chính sách, phản ánh kiến nghị và giám sát xã hội. Các nền tảng số trong khu vực công không chỉ nên được thiết kế theo logic giải quyết thủ tục hành chính, mà cần được xem như hạ tầng dân chủ, nơi người dân có thể tiếp cận thông tin, góp ý chính sách, phản ánh vấn đề, theo dõi tiến độ xử lý, đánh giá chất lượng dịch vụ công và giám sát hoạt động của cơ quan công quyền. Công thông tin, công dịch vụ công, hệ thống phản ánh kiến nghị, nền tảng tham vấn chính sách cần được tổ chức theo nguyên tắc lấy

người dân làm trung tâm: dễ tìm, dễ hiểu, dễ sử dụng, đa kênh, có phản hồi, có giải trình và có khả năng liên thông dữ liệu. Đối với các chính sách có tác động lớn đến xã hội, cần tổ chức truyền thông, tham vấn và đối thoại từ sớm, từ xa; đồng thời công khai quá trình tiếp thu, giải trình ý kiến nhân dân, tránh tình trạng lấy ý kiến chỉ như một thủ tục hình thức.

Thứ ba, tổ chức thực hiện hiệu quả pháp luật về dữ liệu và bảo vệ dữ liệu cá nhân, gắn quản trị dữ liệu với an toàn thông tin và bao trùm số. Trong quản trị số, dữ liệu là nguồn lực quan trọng để nâng cao năng lực dự báo, điều hành và cung ứng dịch vụ công, nhưng cũng gắn trực tiếp với quyền con người, quyền công dân và quyền làm chủ của nhân dân. Vì vậy, cơ quan nhà nước khi thu thập, xử lý, chia sẻ và khai thác dữ liệu của người dân phải có căn cứ pháp lý rõ ràng, mục đích chính đáng, phạm vi cần thiết, cơ chế bảo mật nghiêm ngặt và trách nhiệm giải trình cụ thể. Cùng với đó, cần nâng cao năng lực số cho người dân, nhất là các nhóm dễ bị tổn thương như người cao tuổi, người khuyết tật, người nghèo, đồng bào vùng sâu, vùng xa. Một nền quản trị số nhân văn phải kết hợp giữa nền tảng số hiện đại và hỗ trợ trực tiếp tại cơ sở; giữa tốc độ xử lý của công nghệ và sự gần dân, hiểu dân, phục vụ dân của đội ngũ cán bộ, công chức.

Thứ tư, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, báo chí và truyền thông chính sách trong bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân. Đây là các chủ thể quan trọng giúp kết nối Nhà nước với nhân dân, phản ánh tâm tư, nguyện vọng của nhân dân, tổ chức giám sát, phản biện xã hội và tạo lập đồng thuận trong quá trình thực hiện chính sách. Trong bối cảnh truyền thông số, báo chí và truyền thông chính sách cần chuyển từ truyền đạt một chiều sang đối thoại, giải thích, lắng nghe và phản hồi; từ thông tin sau khi chính sách đã ban hành sang tham gia từ sớm trong chu trình chính sách; từ tuyên truyền đơn thuần sang hỗ trợ người dân hiểu chính sách, tham gia chính sách và giám sát chính sách. Đồng thời, cần nâng cao năng lực nhận diện, xử lý thông tin sai lệch, tin giả, các luận điệu lợi dụng vấn đề dân chủ, nhân quyền, chuyển đổi số để làm suy giảm niềm tin xã hội, qua đó xây dựng môi trường thông tin lành mạnh, minh bạch và có trách nhiệm.

Thứ năm, xây dựng cơ chế đo lường, kiểm tra,

đánh giá và trách nhiệm giải trình trong bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân. Hoàn thiện thể chế không thể chỉ được đo bằng số lượng văn bản được ban hành, số thủ tục được số hóa hay số nền tảng được xây dựng, mà phải được đánh giá bằng mức độ người dân thực sự được biết, được bàn, được tham gia, được giám sát, được phản biện và được thụ hưởng. Cần từng bước hình thành các tiêu chí như: mức độ công khai, minh bạch thông tin; tỷ lệ phản ánh, kiến nghị được xử lý đúng hạn; mức độ tiếp thu, giải trình ý kiến nhân dân; mức độ hài lòng với dịch vụ công; khả năng tiếp cận của nhóm yếu thế; mức độ an toàn dữ liệu cá nhân; mức độ tin cậy của người dân đối với cơ quan công quyền. Khi quyền làm chủ được gắn với cơ chế đo lường, phản hồi và trách nhiệm giải trình, thể chế mới có khả năng tự điều chỉnh, tự hoàn thiện và tạo áp lực cải cách từ chính nhu cầu, tiếng nói và sự giám sát của nhân dân.

4. Kết luận

Hoàn thiện thể chế bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân trong bối cảnh chuyển đổi số và đổi mới quản trị công là yêu cầu có ý nghĩa chiến lược đối với quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Trong điều kiện mới, quyền làm chủ của nhân dân không chỉ được thực hiện thông qua các thiết chế dân chủ truyền thống, mà ngày càng gắn với quyền tiếp cận thông tin, tham gia chính sách, giám sát xã hội, phản ánh kiến nghị, bảo vệ dữ liệu cá nhân và thụ hưởng dịch vụ công minh bạch, thuận tiện, bao trùm.

Chuyển đổi số và đổi mới quản trị công mở ra khả năng mở rộng không gian dân chủ, nâng cao chất lượng tương tác giữa Nhà nước và Nhân dân, nhưng cũng đặt ra yêu cầu phải có thể chế phù hợp để ngăn ngừa nguy cơ hình thức hóa dân chủ số, bất bình đẳng số, thiếu minh bạch dữ liệu và suy giảm trách nhiệm giải trình. Vì vậy, hoàn thiện thể chế trong giai đoạn hiện nay cần hướng tới bảo đảm để nhân dân thực sự được biết, được bàn, được tham gia, được giám sát, được phản biện và được thụ hưởng. Đó cũng là điều kiện quan trọng để củng cố niềm tin xã hội, nâng cao chất lượng quản trị quốc gia và phát huy sức mạnh nhân dân trong sự nghiệp phát triển đất nước./

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quốc hội. (2013). *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội*

chủ nghĩa Việt Nam (thông qua ngày 28/11/2013), Điều 2, Điều 3

<https://vanban.chinhphu.vn/?classid=1&docid=171264&pageid=27160&typegroupid=1>

2. Đảng Cộng sản Việt Nam. (2026). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV (Tập I)*. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, tr. 86.

3. Thủ tướng Chính phủ. (2020). *Quyết định phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”* (Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020)

<https://chinhphu.vn/default.aspx?docid=200163&pageid=27160>

4. Chính phủ. (2021). *Nghị quyết ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021–2030* (Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021)

<https://chinhphu.vn/default.aspx?docid=203657&pageid=27160>

5. Ngô Hải Phan. (2023). *Phát huy vai trò “Một cửa số” của Cổng Dịch vụ công quốc gia*. Cổng Thông tin điện tử Văn phòng Chính phủ. <https://vpcp.chinhphu.vn/phat-huy-vai-tro-mot-cua-so-cua-cong-dich-vu-cong-quoc-gia-115231229194859537.htm>

6. Bộ Nội vụ. (2025). *Báo cáo Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước - SIPAS 2024*. <https://moha.gov.vn/tin-tuc/cong-bo-ket-qua-chi-so-hai-long-ve-su-phuc-vu-cua---oid57024?>

7. Văn phòng Chính phủ. (2025). *Thông báo số 408/TB-VPCP ngày 8/8/2025 về Kết luận Phiên họp lần thứ ba của Ban Chỉ đạo của Chính phủ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 - Sơ kết công tác 6 tháng đầu năm, triển khai nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2025*. <https://vanban.chinhphu.vn/?docid=214869&pageid=27160>.

8. CECODES, RTA và UNDP. (2024). *Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh ở Việt Nam (PAPI): Đo lường từ kinh nghiệm thực tiễn của người dân năm 2024*. Báo cáo nghiên cứu chính sách chung của Trung tâm Nghiên cứu Phát triển và Hỗ trợ Cộng đồng, Công ty Phân tích Thời gian thực và Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc. Hà Nội, Việt Nam. <https://www.undp.org/vi/vietnam/publications/bao-cao-chi-so-hieu-qua-quan-tri-va-hanh-chinh-cong-cap-tinh-o-vietnam-papi-nam-2024>

9. Quốc hội. (2024). *Luật Dữ liệu* (Luật số 60/2024/QH15)

<https://vanban.chinhphu.vn/?classid=1&docid=212488&orggroupid=1&pageid=27160>

10. Quốc hội. (2025). *Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân* (Luật số 91/2025/QH15).

<https://vanban.chinhphu.vn/?classid=1&docid=214590&pageid=27160&typegroupid=1>